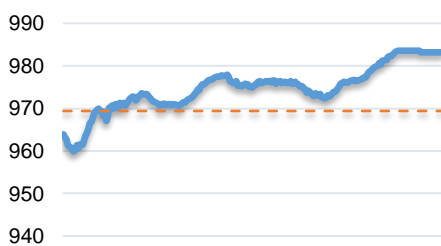


Diễn biến thị trường trong phiên

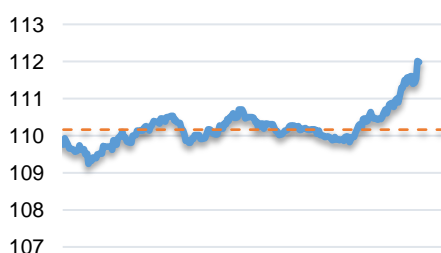
Rating	VNI	HNI	UPCoM
<b>Điểm</b>	983.2	112.0	51.8
% ngày	1.42	1.65	0.03
% tuần	-3.28	-3.38	-2.39
% tháng	-0.28	-4.06	-3.58
% năm	28.30	13.56	-9.23
<b>GTGD (Triệu đồng)</b>			
Trong ngày	2,428.87	355.31	159.84
Hôm qua	3,169.41	473.06	118.88
TB 1 tháng	4,104.88	616.85	154.78
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	757.16	23.65	41.4
Bán	632.33	63.77	42.57
Giá trị ròng	124.83	(40.12)	(1.17)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	166	96	86
Mã Giảm	97	73	64
Không Đổi	90	215	584
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	18.6x	12.3x	11.5x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,056	205	825
LS Cổ tức	1.90	2.76	3.99

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, thanh khoản giao dịch trên sàn HSX chỉ hơn 3,000 tỷ đồng thấp hơn nhiều so với mức trung bình GTGD từ đầu năm đến nay là 5,300 tỷ đồng và chỉ số VN-Index tăng 1.42% lên 983.2 điểm. Còn trên sàn HNX, GTGD trong phiên cũng ở mức hơn 600 tỷ và chỉ số HNX-Index đóng cửa mở mức 111.8 điểm (+1.45%).

Thị trường tràn ngập sắc đỏ và lực cầu tăng mạnh dần về cuối phiên, đặc biệt ở các cổ phiếu trụ BVH, FPT, GAS, VJC, VNM... Ngoài ra ngành ngân hàng cũng có đóng góp lớn cho sự tăng điểm của chỉ số khi những mã trong nhóm ngành này đồng loạt tăng giá như CTG, HDB, ACB, VPB, VCB... Bên cạnh đó còn có sự cộng hưởng của ngành chứng khoán, dầu khí và bất động sản cũng hỗ trợ chỉ số tăng mạnh.

Ở hướng ngược lại, trong phiên hôm nay ROS giảm sàn là một trong những tác nhân gây giảm đà tăng của chỉ số, ngoài ra còn có sự góp phần của VIC, VHM, TCB giảm.

Điểm nhấn của phiên giao dịch cuối tuần là trên sàn HSX nhà đầu tư nước ngoài thực hiện mua ròng hơn 120 tỷ đồng. Đây là tín hiệu tốt cho thị trường khi khối ngoại duy trì đà bán ròng trong 5 phiên giao dịch trước đó. Những mã được mua ròng nhiều trong phiên là VNM (69 tỷ), HPG (46 tỷ), GAS (28 tỷ). Tuy nhiên trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng gần 58 tỷ đồng VGC gây giảm -1.25% giá trong phiên.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục và chỉ số VN-Index có thể kiểm định lại mức 988 điểm. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là thanh khoản đã cải thiện hơn và dòng tiền vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm vốn hóa lớn, trong đó có nhóm cổ phiếu ngân hàng. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật. Ngoài ra, theo mô hình giá, chúng tôi đánh giá thị trường sẽ hoàn tất nhịp giảm nếu không xuyên thủng vùng đáy trong tháng 05/2018.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính và duy trì mức kháng cự của hệ thống ở mức 1006.05 điểm của chỉ số VN-Index và 116.85 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên mở vị thế mua mới hoặc chỉ mua với tỷ trọng thấp theo tỷ trọng khuyến nghị của chúng tôi và tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức hiện tại.

Ngoài ra, hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng trung hạn của hai chỉ số chính với mức kháng cự của hệ thống ở mức 1070.20 điểm của chỉ số VN-Index và 124.27 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn chưa nên mở vị thế mua mới và tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp theo mức khuyến nghị.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 29% cổ phiếu/71% tiền mặt.

**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn:** 26% cổ phiếu/74% tiền mặt.

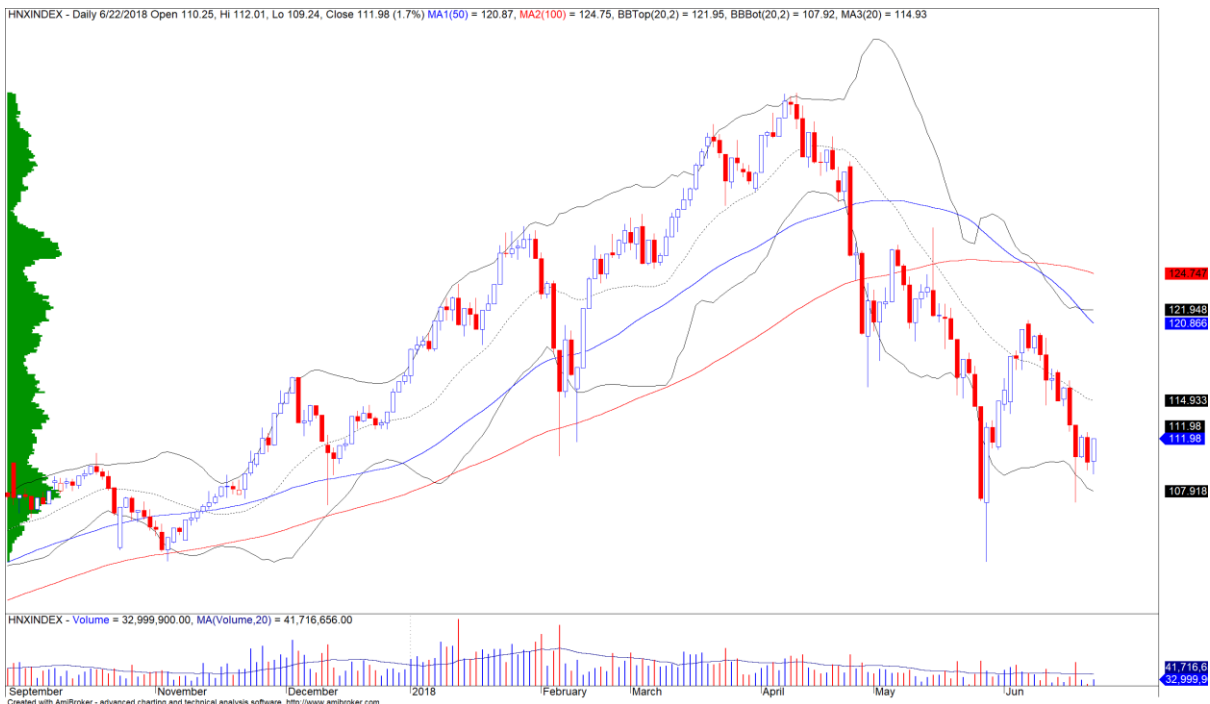


We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	1,000.0	1,026.6	975.0	894.0
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	121.0	126.5	112.9	107.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	19.60	GIẢM	GIẢM		20.74				22.42		
ACB	39.40	GIẢM	GIẢM		42.44				46.17		
BFC	27.55	GIẢM	GIẢM		29.97				31.94		
BHN	105.90	TĂNG	GIẢM	114.00	100.44	-7.11%			132.78		
BID	27.50	GIẢM	GIẢM		29.49				36.70		
BMP	59.00	GIẢM	GIẢM		63.96				63.44		
BSR	18.10	GIẢM	TĂNG		19.44						
BVH	85.00	GIẢM	GIẢM		90.75				105.65		
BWE	17.10	GIẢM	GIẢM		17.30				21.09		
CEO	13.70	GIẢM	GIẢM		15.83				17.99		
CHP	23.10	TĂNG	GIẢM	24.65	22.47	-6.29%			23.35		
CSM	14.30	GIẢM	TĂNG		14.84			14.80	12.77	-3.38%	
CTD	155.00	TĂNG	TĂNG	138.00	149.26	12.32%		155.00	128.22	0.00%	MUA
CTG	25.90	GIẢM	GIẢM		27.25				32.81		
CTI	28.50	GIẢM	GIẢM		29.90				34.33		
CVT	29.60	GIẢM	GIẢM		32.35				33.98		
DGW	26.20	GIẢM	TĂNG		27.45			16.40	24.79	59.76%	
DHA	29.40	TĂNG	GIẢM	28.70	27.81	2.44%			30.63		
DHC	42.45	GIẢM	GIẢM		44.74				46.93		
DHG	104.60	GIẢM	TĂNG		107.80			115.00	96.90	-9.04%	
DPG	51.70	GIẢM	GIẢM		53.98				62.82		
DPM	16.90	GIẢM	GIẢM		17.76				18.72		
DPR	39.65	GIẢM	GIẢM		40.50				42.17		
DQC	32.70	GIẢM	GIẢM		34.17				37.41		
DRC	23.30	TĂNG	GIẢM	22.40	22.05	4.02%			24.80		
DXG	29.85	GIẢM	TĂNG		31.93			33.75	26.32	-11.56%	
ELC	10.10	GIẢM	GIẢM		11.80				12.46		
FCN	17.20	TĂNG	TĂNG	15.40	15.94	11.69%		17.70	13.53	-2.82%	
FIT	4.38	GIẢM	GIẢM		4.94				6.28		
FMC	21.10	GIẢM	GIẢM		23.08				24.44		
FPT	45.00	GIẢM	GIẢM		46.63				52.83		
GAS	90.70	GIẢM	GIẢM		97.35				119.25		
GIL	40.60	TĂNG	TĂNG	44.00	40.12	-7.73%		34.90	40.00	16.33%	
GMD	26.15	GIẢM	GIẢM		28.14				29.31		
GTN	9.40	GIẢM	GIẢM		9.91				11.53		
HAG	4.70	TĂNG	GIẢM	5.01	4.45	-6.19%			5.68		
HAX	16.70	GIẢM	GIẢM		17.04				18.67		
HBC	25.90	GIẢM	TĂNG		28.26			25.90	21.52	0.00%	MUA



We Create Fortune

HDB	37.40	GIẢM	GIẢM		38.68			44.56	
HNG	9.20	TĂNG	TĂNG	8.36	8.74	10.05%	8.20	7.24	12.20%
HPG	40.95	GIẢM	TĂNG		41.89		43.80	36.64	-6.51%
HSG	12.65	TĂNG	GIẢM	11.30	11.80	11.95%		13.72	
HT1	11.70	GIẢM	GIẢM		12.80			14.31	
HUT	6.40	TĂNG	GIẢM	6.80	6.01	-5.88%		7.82	
HVN	34.20	TĂNG	GIẢM	33.10	32.59	3.32%		47.23	
ITD	12.40	GIẢM	TĂNG		13.61		12.40	11.14	0.00%
KBC	12.20	GIẢM	GIẢM		12.94			14.33	
KDH	31.35	GIẢM	GIẢM		32.88			37.45	
KSB	36.50	GIẢM	GIẢM		38.81			40.92	
LCG	9.34	GIẢM	GIẢM		9.86			9.54	
LIX	41.90	GIẢM	GIẢM		43.55			46.98	
LPB	11.60	GIẢM	GIẢM		12.40			17.46	
LSS	8.00	GIẢM	GIẢM		8.73			9.60	
MSN	81.00	GIẢM	GIẢM		86.82			98.60	
MWG	116.90	GIẢM	TĂNG		123.44		121.00	104.78	-3.39%
NKG	17.00	GIẢM	GIẢM		17.80			18.17	
NLG	28.00	GIẢM	GIẢM		30.89			31.83	
NT2	29.60	TĂNG	GIẢM	29.80	28.36	-0.67%		31.66	
NTL	9.78	TĂNG	TĂNG	9.78	9.60	0.00%	10.45	8.94	-6.41%
NTP	49.40	GIẢM	GIẢM		50.12			58.36	
PAC	42.95	TĂNG	GIẢM	42.50	41.00	1.06%		45.35	
PC1	32.45	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	0.46%		34.50	
PDR	31.30	TĂNG	GIẢM	32.30	30.24	-3.10%		33.68	
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.76	-1.05%		15.72	
PHR	22.60	GIẢM	GIẢM		24.71			26.99	
PLC	16.10	GIẢM	GIẢM		17.40			19.51	
PLX	63.40	TĂNG	GIẢM	65.60	61.85	-3.35%		74.79	
PNJ	105.00	GIẢM	GIẢM		114.15			126.50	
POW	13.00	GIẢM	TĂNG		13.98				
PPC	17.00	GIẢM	GIẢM		17.66			19.39	
PTB	90.00	GIẢM	GIẢM		97.29			104.22	
PVD	13.20	GIẢM	GIẢM		14.35			17.99	
PVI	30.00	TĂNG	GIẢM	31.01	29.34	-3.25%		34.16	
PVS	17.30	GIẢM	GIẢM		17.62			22.02	
PXS	5.15	GIẢM	GIẢM		5.56			7.11	
RAL	102.00	GIẢM	GIẢM		110.01			122.54	
REE	31.40	GIẢM	GIẢM		33.00			37.12	
SAB	226.00	GIẢM	TĂNG		240.02		252.40	207.41	-10.46%
SAM	7.02	GIẢM	GIẢM		7.17			8.11	
SBV	29.00	GIẢM	GIẢM		30.17			31.14	
SCR	9.10	GIẢM	GIẢM		9.90			11.17	

We Create Fortune

SHI	6.64	TĂNG	TĂNG	7.00	6.32	-5.14%		6.99	5.88	-5.01%	
SJS	21.40	GIẢM	GIẢM		22.64				25.43		
SKG	20.60	GIẢM	TĂNG		22.73			20.60	19.70	0.00%	MUA
SSI	31.60	GIẢM	GIẢM		33.16				37.51		
STB	12.00	GIẢM	GIẢM		12.59				13.83		
SVC	45.00	GIẢM	GIẢM		48.73				51.89		
TCM	19.95	GIẢM	GIẢM		21.71				22.70		
TDH	13.85	GIẢM	GIẢM		14.64				15.83		
TLH	9.60	GIẢM	GIẢM		10.05				10.83		
TMT	7.20	GIẢM	GIẢM		7.93				10.56		
TNG	12.20	GIẢM	GIẢM		13.02				14.43		
TYA	11.25	GIẢM	GIẢM		12.27				14.12		
VCB	58.70	TĂNG	GIẢM	54.10	54.54	8.50%			64.41		
VFG	48.40	TĂNG	TĂNG	35.96	46.56	34.58%		44.69	41.83	8.30%	
VGC	23.70	GIẢM	GIẢM		25.11				26.55		
VIB	27.10	GIẢM	GIẢM		29.59				34.84		
VIC	122.80	TĂNG	GIẢM	116.00	117.04	5.86%			132.50		
VIP	6.99	GIẢM	TĂNG		7.21			6.71	6.82	4.11%	
VJC	174.90	GIẢM	GIẢM		176.74				184.83		
VKC	6.50	GIẢM	TĂNG		7.00			6.80	5.68	-4.41%	
VNM	178.00	TĂNG	GIẢM	178.00	176.66	0.00%	MUA		184.77		
VPB	32.90	TĂNG	GIẢM	32.90	31.95	0.00%	MUA		33.19		
VRC	17.60	TĂNG	GIẢM	17.10	16.78	2.92%			19.26		
VRE	40.00	GIẢM	GIẢM		42.94				51.30		
VSC	35.30	GIẢM	TĂNG		36.78			35.30	29.50	0.00%	MUA
VSH	17.05	GIẢM	TĂNG		17.58			17.40	16.36	-2.01%	



We Create Fortune

**Sàn GDCK TPHCM (HSX)**

	Điểm	Chg%
VNI	983.17	1.42
VN30	973.05	1.81
VN Mid	982.73	1.26
VN Small	825.51	0.33

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	757.16	
Bán	632.33	
GT ròng	124.83	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TCH	1,500	7.0%
SJF	1,400	6.9%
BWE	1,100	6.9%
SBT	1,000	6.7%
PGD	2,500	6.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	(3,250)	-7.0%
FTM	(550)	-3.3%
FIT	(80)	-1.8%
EVE	(250)	-1.5%
HAG	(70)	-1.5%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	323,911	
VHM	306,012	
VNM	258,322	
VCB	211,189	
GAS	173,595	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HPG	7.18	6.87
FLC	7.07	4.27
KSA	6.10	0.22
VPB	4.25	5.66
DLG	3.65	0.61

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK Hà Nội (HSX)**

	Điểm	Chg%
HNI	111.98	1.65
HN30	200.49	1.59
VNX AllSh	1,386.96	1.90

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	23.65	
Bán	63.77	
GT ròng	(40.12)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	500	6.8%
PGS	1,300	4.2%
PVS	700	4.2%
HUT	200	3.2%
ACB	1,200	3.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	(2,000)	-4.9%
CEO	(200)	-1.4%
VGC	(300)	-1.3%
TV2	(700)	-0.7%
VCS	(500)	-0.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,729	
VCS	13,600	
VGC	10,626	
SHB	10,467	
PVS	7,728	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	5.06	3.98
ACB	4.70	4.00
SHB	3.79	9.59
VGC	3.69	2.21
PVX	2.33	1.36

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)**

	Điểm	Chg%
UPCoM	51.81	0.03

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	41.40	
Bán	42.57	
GT ròng	(1.17)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SSN	1,200	7.7%
OIL	800	5.1%
ACV	4,000	4.5%
SCS	4,000	2.3%
BSR	400	2.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GVR	(200)	-2.5%
QNS	(600)	-1.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	200,296	
BSR	56,119	
MCH	49,888	
HVN	42,702	
GVR	31,200	

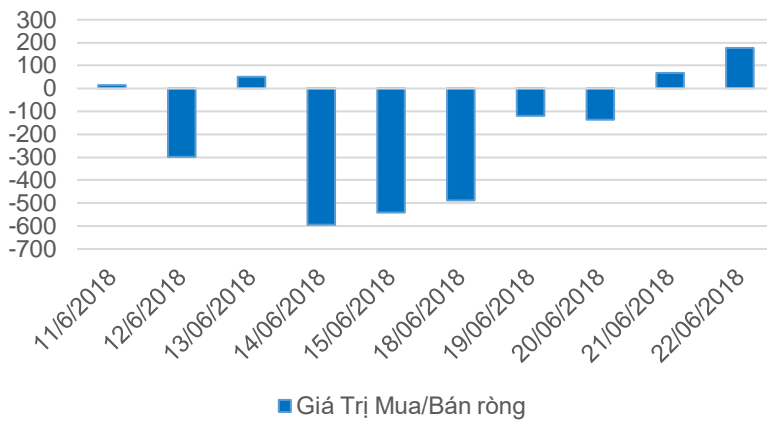
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	1.21	1.15
POW	0.94	1.40
LPB	0.92	1.87
OIL	0.91	0.67
SSN	0.48	0.07

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

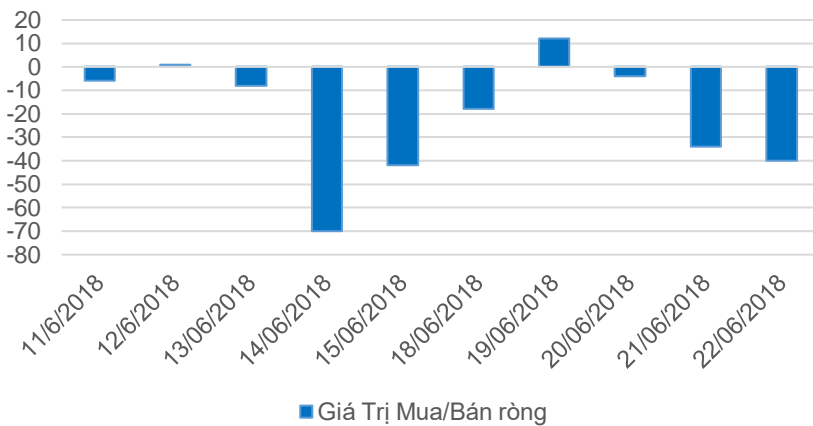
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	69,620	KBC	(50,975)
HPG	46,221	E1VFN30	(20,448)
GAS	27,691	VIC	(15,926)
VCB	21,313	MSN	(13,597)
SSI	19,797	VRE	(12,622)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

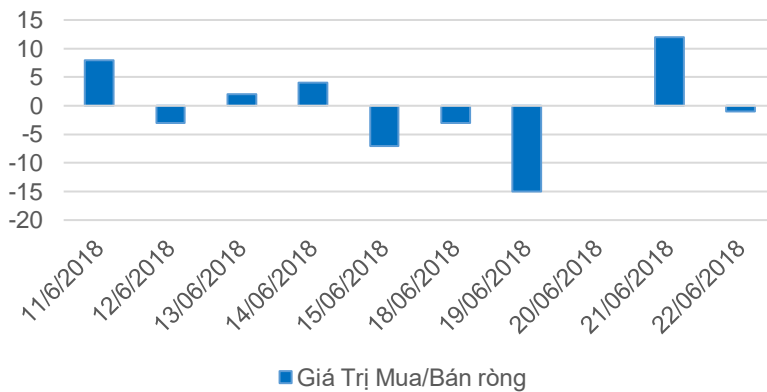
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	17,888	VGC	(57,715)
QNC	4,136	PLC	(1,384)
BVS	128	CEO	(616)
KKC	106	PGS	(532)
WCS	53	L14	(503)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCoM



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
ACV	7,758	BSR	(10,595)
QNS	3,976	OIL	(5,961)
HVN	3,057	GVR	(1,167)
SCS	1,747	POW	(573)
BCM	303	WSB	(22)

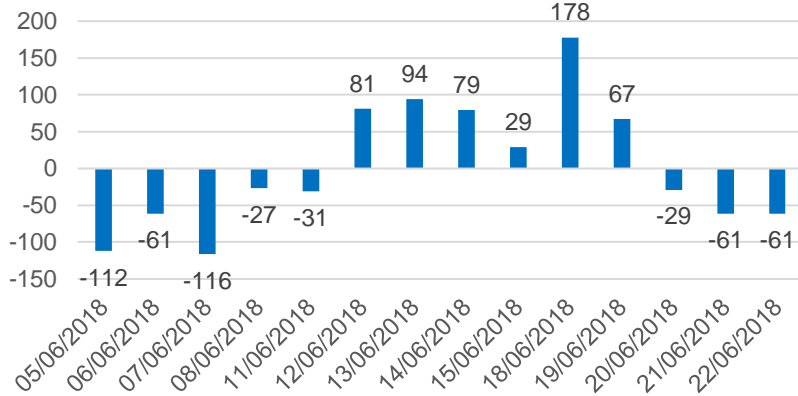
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

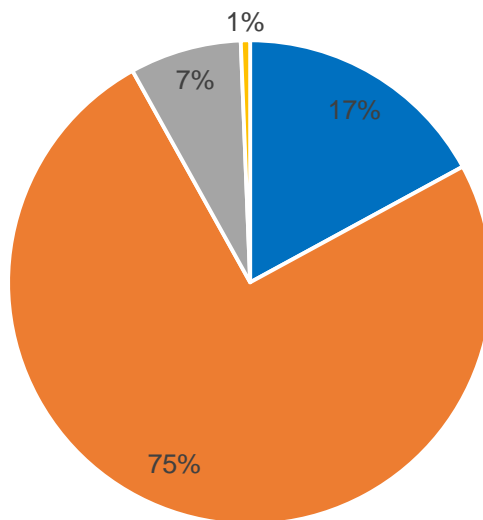


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
<b>E1VFN30</b>	20,320	<b>MSN</b>	9,180
<b>CTG</b>	2,581	<b>VIC</b>	8,570
<b>MBB</b>	2,348	<b>HPG</b>	8,133
<b>GEX</b>	1,624	<b>VNM</b>	8,090
<b>VIC</b>	1,234	<b>GEX</b>	6,374

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



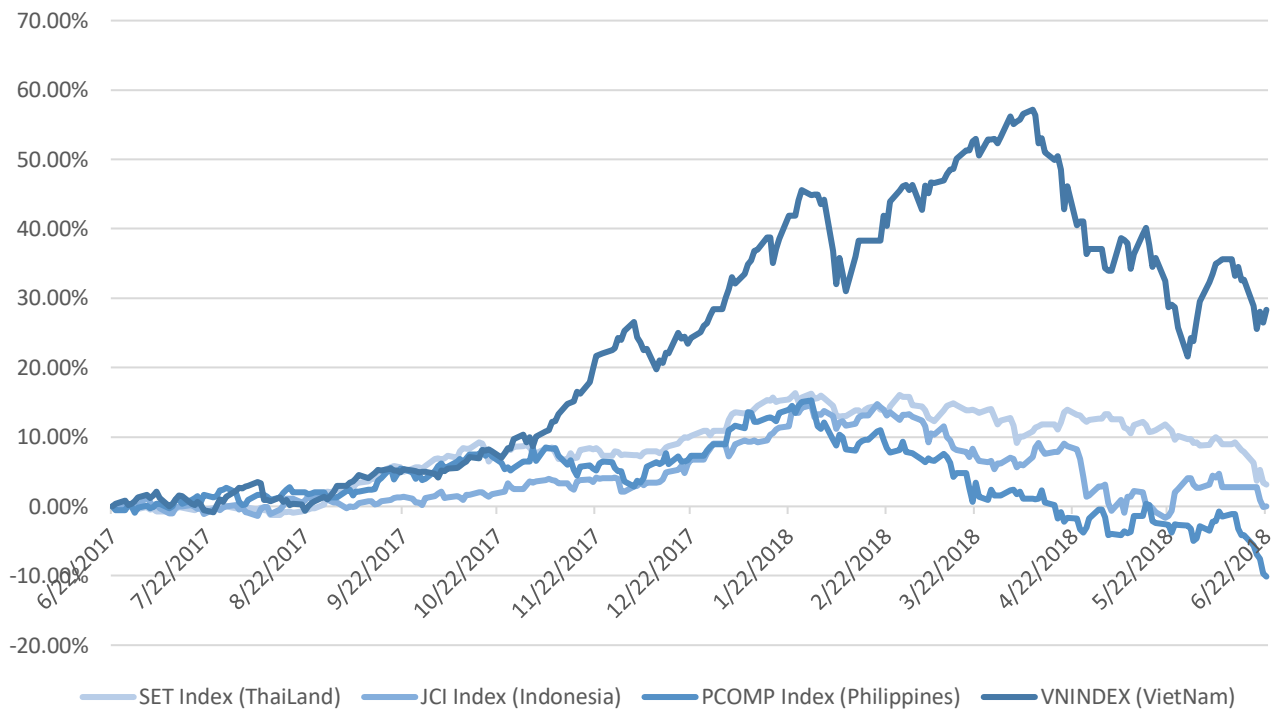
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

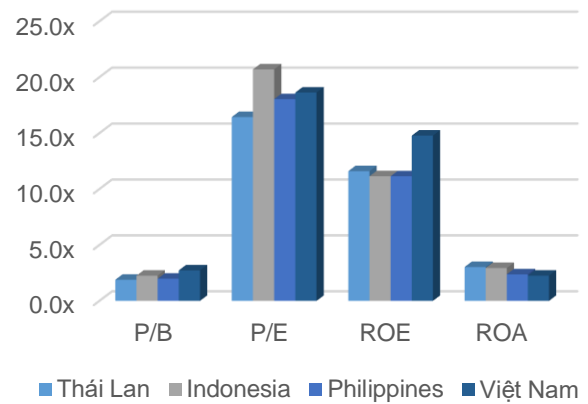
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
<b>P/B</b>		1.9x	2.3x	2.0x	2.7x
<b>P/E</b>		16.4x	20.7x	18.0x	18.6x
<b>ROE</b>	%	11.60	11.15	11.14	14.78
<b>ROA</b>	%	3.03	2.94	2.37	2.26
<b>Vốn hóa</b>	Tỷ USD	498.86	465.39	165.94	133.51
<b>GTGD</b>	Triệu USD	1.64	0.45	0.12	0.11
<b>LS cổ tức</b>	%	3.16	2.33	1.78	1.90

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written